SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **TRƯỜNG PHỔ THÔNG NĂNG KHIẾU TD,TT BÌNH CHÁNH** Số : 11 /QĐ-NKTDTTBC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 1 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai tài sản theo Thông tư 144/2017/TT-BTC năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG PHỔ THÔNG NĂNG KHIẾU TD, TT BÌNH CHÁNH

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 về hướng dẫn một số nội dung của nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 5163/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2023 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2023 - 2025 đối với đơn vị sự nghiệp công lập: Trường Trung học phổ thông Năng khiếu Thể dục thể thao Huyện Bình Chánh;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-UBND ngày 17 tháng 05 năm 2024 về tổ hức lại Trường Trung học phổ thông năng khiếu Thể dục – thể thao huyện Bình Chánh thành Trường phổ thông năng khiếu Thể dục, Thể thao Bình Chánh trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tài sản theo Thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận Kế toán tài vụ và các tập thể có tên nơi Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận : -Như điều 1 -Lưu: VT.	**HIỆU TRƯỞNG** **Dương Hoài Bảo**

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số 09a-CK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường phổ thông năng khiếu thể dục, thể thao Bình Chánh

Mã đơn vị: 1125803

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẮM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2024

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
II	**Tài sản giao mới**						**41.790.000**						
1	**Đất khuôn viên**						**41.775.000**						
	Đất		1				41.775.000						
4	**Tài sản cố định khác**						**15.000**						
	Bộ bàn ghế tiếp khách	Cái	1				15.000						
	Tổng cộng						**41.790.000**						

Ngày 15 tháng 01 năm 2025

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Trần Thị Hiền

Hiệu trưởng

(Ký, họ tên và đóng dấu)

TRƯỜNG PHỔ THÔNG NĂNG KHIẾU THỂ DỤC, THỂ THAO BÌNH CHÁNH

Dương Hoài Bảo

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh **Mẫu số 09b-CK/TSC**

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường phổ thông năng khiếu thể dục, thể thao Bình Chánh

Mã đơn vị: 1125803

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP

Năm 2024

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))							
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác	
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1	Đất tại A10/3D ấp 1	27.604,80	41.407.200		26.413,98		1.190,82														
2	Công trình xây dựng trường học									2017	13.833,20	191.694.307	166.774.047		13.511,20		322,00				
	Tổng cộng:	**27.604,80**	**41.407.200**		**26.413,98**		**1.190,82**				**13.833,20**	**191.694.307**	**166.774.047**		**13.511,20**		**322,00**				

Ngày 15 tháng 1 năm 2025

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Trần Thị Hiền

Hiệu trưởng

(Ký, họ tên, đóng dấu)

TRƯỜNG PHỔ THÔNG NĂNG KHIẾU THỂ DỤC, THỂ THAO BÌNH CHÁNH

Dương Hoài Bảo

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh **Mẫu số 09c-CK/TSC**

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường phổ thông năng khiếu thể dục, thể thao Bình Chánh

Mã đơn vị: 1125803

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC

Năm 2024

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
I	**Tài sản cố định khác**		**277**	**4.822.190**	**4.442.190**	**380.000**	**491.418**							
1	Bàn họp Oval 50 chỗ	P.Hội đồng	1	53.000	53.000		13.250							
2	Máy vi tính để bàn	P.Tin học 1	1	14.600		14.600	8.760							x
3	Máy vi tính để bàn	P.Tài vụ	1	14.600		14.600	8.760							x
4	Máy vi tính để bàn	Thiết bị	1	14.600		14.600	8.760							x
5	Máy vi tính để bàn	P.Tin học 2	1	14.600		14.600	8.760							x
6	Máy vi tính để bàn	Thiết bị	1	14.600		14.600	8.760							x
7	Máy vi tính để bàn	P.Tin học 1	1	14.600		14.600	8.760							x
8	Máy vi tính để bàn	P.Tin học 1	1	14.600		14.600	8.760							x
9	Máy vi tính để bàn	P. y tế	1	14.600		14.600	8.760							x
10	Máy vi tính để bàn	Thiết bị	1	14.600		14.600	8.760							x
11	Máy vi tính để bàn	P.Tin học 2	1	14.600		14.600	8.760							x
12	Máy vi tính để bàn	P.Tin học 2	1	14.600		14.600	8.760							x
13	Máy vi tính để bàn	P.Tin học 1	1	14.600		14.600	8.760							x
14	Máy vi tính để bàn	P.Tin học 2	1	14.600		14.600	8.760							x
15	Máy vi tính để bàn	Hành chánh	1	14.600		14.600	8.760							x
16	Máy vi tính để bàn	P. Tâm lý	1	14.600		14.600	8.760							x
17	Máy vi tính để bàn	P.Hiệu tưởng	1	14.600		14.600	8.760							x
18	Máy vi tính	Hiệu trưởng	1	12.650	12.650									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
19	Máy vi tính	P.Giám thị	1	12.650	12.650									
20	Máy vi tính	P.Đoàn thanh niên	1	12.650	12.650									
21	Máy vi tính	P.Thư viện	5	63.250	63.250									
22	Máy vi tính	Thiết bị	13	164.450	164.450									
23	Máy vi tinh để bàn	P.Tin học 1	1	14.600		14.600	8.760							x
24	Máy vi tinh để bàn	Hành chánh	1	14.600		14.600	8.760							x
25	Máy vi tinh để bàn	P.Tin học 2	1	14.600		14.600	8.760							x
26	Máy vi tinh để bàn	P.Hiệu tưởng	1	14.600		14.600	8.760							x
27	Tủ lạnh Toshiba 186 lít	Hiệu trưởng	1	11.500	11.500									
28	Tủ lạnh Toshiba 186 lít	P.Tài vụ	1	11.500	11.500									x
29	Tủ lạnh dung tích 410 lít	P.Hiệu tưởng	2	33.000	33.000									
30	Tủ đựng Bộ đồ ăn	Căn tin	8	84.480	84.480									
31	Tủ cơm	Căn tin	3	82.500	82.500									
32	Tổng đài nội bộ	Hành chánh	1	33.000	33.000									
33	Tổng đài điện thoại	Hành chánh	1	33.000	33.000									
34	Tivi LCD'	P.Hội đồng	1	13.500	13.500									
35	Tivi LCD Màn hình LCD 42"	Lớp học	38	513.000	513.000									
36	Tivi LCD	Thiết bị	6	81.000	81.000									
37	Máy vi tính	P.Tin học 2	40	418.000	418.000									
38	Tivi LCD	P.Giám thị	1	13.500	13.500									
39	Phần mềm QL tài sản DT soft	P.Tài vụ	1	11.000	11.000		1.760							
40	Nệm nhảy xa, nhảy cao (30x180x200)cm	Nhà thi đấu	6	72.600	72.600		14.520							
41	Nệm nhảy cao	Nhà thi đấu	4	48.400	48.400		9.680							
42	Micro không dây	P.Giám thị	2	13.000	13.000		2.600							
43	Máy xén giấy H868TĐ	Hành chánh	1	19.980	19.980		1.998							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
44	Máy vi tinh để bàn	Thiết bị	1	14.600		14.600	8.760							x
45	Máy vi tinh để bàn	P.Tin học 1	1	14.600		14.600	8.760							x
46	Máy vi tinh để bàn	P.Tài vụ	1	14.600		14.600	8.760							x
47	Máy vi tinh để bàn	P.Tin học 2	1	14.600		14.600	8.760							x
48	Máy vi tinh để bàn	Thiết bị	1	14.600		14.600	8.760							x
49	Thảm cầu lông	Nhà thi đấu	5	310.000	310.000		124.000							
50	Tủ lạnh Toshiba 186 lít	P. y tế	1	11.500	11.500									
51	Máy vi tính	P.Tin học 1	40	418.000	418.000									
52	Máy vi tính	P.Đoàn thanh niên	1	12.650	12.650									
53	Máy chụp hình Nikon D7200	P.Hiệu trưởng	1	31.500	31.500									
54	Máy chủ Server	P.Tin học 1	1	16.500	16.500									
55	Máy chủ Server	P.Tin học 2	1	16.500	16.500									
56	Máy chiếu	Thao giảng 1	2	50.000	50.000									
57	Máy chiếu	Hội trường (Dãy HC)	2	50.000	50.000									
58	Kính hiển vi XSP 15B dùng cho giáo viên	P.Thí nghiệm	1	15.000	15.000		3.000							
59	Két KS160HD1	P.Tài vụ	1	12.500	12.500		3.125							x
60	Hệ thống hút khói có phin lọc mỡ inox (4500 x 1000 x 500)	Căn tin	1	49.500	49.500		4.950							
61	Hệ thống âm thanh sân trường	P.Giám thị	1	33.000	33.000									
62	Hệ thống âm thanh ngoài sân trường + nhà thi đấu	P.Giám thị	1	340.000	340.000									
63	Hệ thống âm thanh hội trường	Hội trường (Dãy HC)	1	55.000	55.000									
64	Đầu ghi hình, Camera, nguồn	P.Bảo vệ	1	38.450	38.450		3.845							
65	Đàn điện tử+ Đàn guitar thùng cho giáo viên	Thiết bị	2	22.000	22.000									
66	Bục sân khấu 1.4 x 7.6 x 0.4m bằng gỗ	Hội trường (Dãy HC)	1	48.000	48.000		19.200							
67	Bóng rổ di động	Nhà thi đấu	2	29.700	29.700		5.940							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
68	Bồn rửa 3 ngăn	P.Y tế	3	36.300	36.300									
69	Bộ Bóng bàn	Nhà thi đấu	6	72.000	72.000		14.400							
70	Bộ bàn ghế tiếp khách	Hiệu trưởng	1	15.000		15.000								
71	Bảng tương tác PK Pro 87C	Thao giảng 1	1	169.000	169.000									
72	Bảng fomica trắng	P.Đoàn thanh niên	2	2.800	2.800		210							x
73	Bảng điện tử kích thước 2mx3m, đèn Led ánh áng trắng	Nhà thi đấu	2	60.000	60.000		12.000							
74	Máy chụp hình Nikon D7200	Thiết bị	1	31.500	31.500									
75	Máy hấp khăn	P. y tế	1	30.800	30.800		3.080							
76	Máy hấp tiệt trùng	P. y tế	1	13.200	13.200									
77	Máy in HP 402	P.Hiệu tưởng	1	6.500	6.500		1.300							x
78	Máy vi tính	P.Hiệu tưởng	1	12.650	12.650									
79	Máy tính	Hành chánh	2	33.600	33.600									
80	Máy tính	Hiệu trưởng	1	16.800	16.800									
81	Máy tính	P.Tài vụ	2	33.600	33.600									
82	Máy quay Sony cảm biến hình ảnh 13.5M Exmor R™ CMOS 1/2.3 (7.76mm)	Thiết bị	2	22.000	22.000									
83	Máy photocopy siêu tốc Ricoh DD5450	P.Tài vụ	1	180.000	180.000		18.000							
84	Máy photo Ricoh 2501L	Hành chánh	1	85.000	85.000		8.500							
85	Máy ổn áp 30 KVA	P.Tin học 2	1	15.800	15.800		1.580							
86	Máy ổn áp 30 KVA	P.Tin học 1	1	15.800	15.800		1.580							
87	Máy laptop HP	Hiệu trưởng	1	17.900	17.900									
88	Máy vi tính	P. y tế	1	12.650	12.650									
89	Máy laptop HP	Hành chánh	1	17.900	17.900									
90	Máy lạnh Toshiba	P.Tin học 1	1	18.700	18.700									
91	Máy lạnh Toshiba	Hành chánh	1	18.700	18.700									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
92	Máy lạnh Toshiba	P.Tin học 2	1	18.700	18.700									
93	Máy lạnh Toshiba	Hiệu trưởng	1	18.700	18.700									
94	Máy lạnh Nagakawa 1.5hp, 2 cụm	P.Hiệu tưởng	1	12.500	12.500									
95	Máy in phun màu epson L805	Hành chánh	1	12.500	12.500									
96	Máy in màu EpsonA3	Hành chánh	1	16.480	16.480									
97	Máy in kim Epson LQ 2180	P.Tài vụ	1	19.800	19.800									
98	Máy in HP 402	Hành chánh	2	13.000	13.000		2.600							
99	Máy in HP 402	Hiệu trưởng	1	6.500	6.500		1.300							x
100	Máy laptop HP	P.Tài vụ	1	17.900	17.900									
101	Tủ lạnh Toshiba 186 lít	Thiết bị	1	11.500	11.500									

Ngày 15 tháng 1 năm 2025

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Trần Thị Hiền

Hiệu trưởng

(Ký, họ tên, và đóng dấu)

TRƯỜNG PHỔ THÔNG NĂNG KHIẾU THỂ DỤC THỂ THAO BÌNH CHÁNH

Dương Hoài Bảo

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh **Mẫu số 09d-CK/TSC**

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường phổ thông năng khiếu thể dục, thể thao Bình Chánh

Mã đơn vị: 1125803

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2024

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
I	**Đất**															
II	**Nhà**															
III	**Xe ô tô**															
IV	**Tài sản cố định khác**	**41.800**		**8.010**												
1	Bảng fomica trắng	2.800		210						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
2	Máy in HP 402	6.500		1.300						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
3	Máy in HP 402	6.500		1.300						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
4	Máy in HP 402	6.500		1.300						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
5	Máy in HP 402	6.500		1.300						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
6	Micro không dây	6.500		1.300						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
7	Micro không dây	6.500		1.300						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

Ngày 15 tháng 1 năm 2025

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Trần Thị Hiền

Hiệu trưởng

(Ký, họ tên và đóng dấu)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG PHỔ THÔNG NĂNG KHIẾU THỂ DỤC, THỂ THAO BÌNH CHÁNH

Dương Hoài Bảo

Mẫu số 04a-ĐK/TSC

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường phổ thông năng khiếu thể dục, thể thao Bình Chánh

Mã đơn vị: 1125803

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

BÁO CÁO KÊ KHAI TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

I – Về đất:

a- Địa chỉ: A10/3D ấp 1.

b- Diện tích khuôn viên đất: 27.604,80 m2.

c- Hiện trạng sử dụng: Làm trụ sở làm việc: ..... m2; Làm cơ sở hoạt động sự nghiệp: 26.413,98 m2; Kinh doanh: ..... m2; Liên doanh, liên kết: ..... m2; Cho thuê: 1.190,82 m2; Sử dụng khác: ..... m2.

d- Giá trị theo sổ kế toán: 41.407.200 Nghìn đồng.

II – Về nhà:

III – Các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến quyền quản lý, sử dụng nhà đất: (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hợp đồng thuê nhà, Giấy tờ khác).

....., ngày ... tháng ... năm .....

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN (nếu có)

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Tp.HCM, *ngày* 31 *tháng* 12 *năm* 2024

Hiệu trưởng

(Ký, họ tên và đóng dấu)

TRƯỜNG PHỔ THÔNG NĂNG KHIẾU THỂ DỤC, THỂ THAO BÌNH CHÁNH

Dương Hoài Bảo

- Báo cáo kê khai lần đầu: ☐
- Báo cáo kê khai bổ sung: ☒

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số 04a-ĐK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường phổ thông năng khiếu thể dục, thể thao Bình Chánh

Mã đơn vị: 1125803

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

BÁO CÁO KÊ KHAI TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

I – Về đất:

II – Về nhà:

TÀI SẢN	CẤP HẠNG	NĂM XÂY DỰNG	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN (Nghìn đồng)				SỐ TẦNG	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m2)	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN SỬ DỤNG (m2)	HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG (m2)						
				Nguyên giá			Giá trị còn lại				Trụ sở làm việc	Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó												
					Nguồn NS	Nguồn khác											
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*
1- Công trình xây dựng trường học	Nhà Cấp III	2017	01/01/2017	191.694.307	191.694.307		166.774.047	4	8.179,30	13.833,20		13.511,20		322,00			
Tổng cộng:				**191.694.307**	**191.694.307**		**166.774.047**		**8.179,30**	**13.833,20**		**13.511,20**		**322,00**			

III – Các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến quyền quản lý, sử dụng nhà đất: (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hợp đồng thuê nhà, Giấy tờ khác).

....., ngày ... tháng ... năm .....

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN (nếu có)

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Tp.HCM, *ngày* 31 *tháng* 12 *năm* 2024

Hiệu trưởng

(Ký, họ tên và đóng dấu)

TRƯỜNG PHỔ THÔNG NĂNG KHIẾU THỂ DỤC, THỂ THAO BÌNH CHÁNH

Dương Hoài Bảo

- Báo cáo kê khai lần đầu: ☐
- Báo cáo kê khai bổ sung: ☒

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số 04c-ĐK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường phổ thông năng khiếu thể dục, thể thao Bình Chánh

Mã đơn vị: 1125803

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

BÁO CÁO KÊ KHAI TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ (NGOÀI TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP, XE Ô TÔ)

TÀI SẢN	KÝ HIỆU	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN (Nghìn đồng)				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG					
					Nguyên giá			Giá trị còn lại	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác
					Tổng cộng	Trong đó				Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	
						Nguồn NS	Nguồn khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1- Máy vi tính để bàn	TS000002			28/12/2023	14.600		14.600	8.760						X
2- Máy vi tính để bàn	TS000003			28/12/2023	14.600		14.600	8.760						X
3- Máy vi tính để bàn	TS000004			28/12/2023	14.600		14.600	8.760						X
4- Máy vi tính để bàn	TS000005			28/12/2023	14.600		14.600	8.760						X
5- Máy vi tính để bàn	TS000006			28/12/2023	14.600		14.600	8.760						X
6- Máy vi tính để bàn	TS000007			28/12/2023	14.600		14.600	8.760						X
7- Máy vi tính để bàn	TS000008			28/12/2023	14.600		14.600	8.760						X
8- Máy vi tính để bàn	TS000009			28/12/2023	14.600		14.600	8.760						X
9- Máy vi tính để bàn	TS000010			28/12/2023	14.600		14.600	8.760						X
10- Máy vi tính để bàn	TS000011			28/12/2023	14.600		14.600	8.760						X
11- Máy vi tính để bàn	TS000012			28/12/2023	14.600		14.600	8.760						X
12- Máy vi tính để bàn	TS000013			28/12/2023	14.600		14.600	8.760						X
13- Máy vi tính để bàn	TS000014			28/12/2023	14.600		14.600	8.760						X
14- Máy vi tính để bàn	TS000015			28/12/2023	14.600		14.600	8.760						X
15- Máy vi tính để bàn	TS000016			28/12/2023	14.600		14.600	8.760						X
16- Máy vi tính để bàn	TS000017			28/12/2023	14.600		14.600	8.760						X
17- Máy vi tính để bàn	TS000018			28/12/2023	14.600		14.600	8.760						X
18- Máy vi tính để bàn	TS000019			28/12/2023	14.600		14.600	8.760						X

TÀI SẢN	KÝ HIỆU	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN (Nghìn đồng)				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG					
					Nguyên giá			Giá trị còn lại	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác
					Tổng cộng	Trong đó				Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	
						Nguồn NS	Nguồn khác							
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
19- Máy vi tính để bàn	TS000020			28/12/2023	14.600		14.600	8.760						X
20- Máy vi tính để bàn	TS000021			28/12/2023	14.600		14.600	8.760						X
21- Máy vi tính để bàn	TS000022			28/12/2023	14.600		14.600	8.760						X
22- Máy vi tính để bàn	TS000023			28/12/2023	14.600		14.600	8.760						X
23- Máy vi tính để bàn	TS000024			28/12/2023	14.600		14.600	8.760						X
24- Máy vi tính để bàn	TS000025			28/12/2023	14.600		14.600	8.760						X
25- Máy vi tính để bàn	TS000026			28/12/2023	14.600		14.600	8.760						X
26- Bộ bàn ghế tiếp khách	TS000053			15/08/2017	15.000		15.000			X				
27- Tủ đựng Bộ đồ ăn	TS0001.01		2017	01/01/2017	10.560	10.560				X				
28- Tủ đựng Bộ đồ ăn	TS0001.02		2017	01/01/2017	10.560	10.560				X				
29- Tủ đựng Bộ đồ ăn	TS0001.03		2017	01/01/2017	10.560	10.560				X				
30- Tủ đựng Bộ đồ ăn	TS0001.04		2017	01/01/2017	10.560	10.560				X				
31- Tủ đựng Bộ đồ ăn	TS0001.05		2017	01/01/2017	10.560	10.560				X				
32- Tủ đựng Bộ đồ ăn	TS0001.06		2017	01/01/2017	10.560	10.560				X				
33- Tủ đựng Bộ đồ ăn	TS0001.07		2017	01/01/2017	10.560	10.560				X				
34- Tủ đựng Bộ đồ ăn	TS0001.08		2017	01/01/2017	10.560	10.560				X				
35- Tủ lạnh dung tích 410 lít	TS0002.01		2017	01/01/2017	16.500	16.500				X				
36- Tủ lạnh dung tích 410 lít	TS0002.02		2017	01/01/2017	16.500	16.500				X				
37- Hệ thống hút khói có phin lọc mỡ inox (4500 x 1000 x 500)	TS0003		2017	01/01/2017	49.500	49.500		4.950		X				
38- Tủ cơm	TS0004.01		2017	01/01/2017	27.500	27.500				X				
39- Tủ cơm	TS0004.02		2017	01/01/2017	27.500	27.500				X				
40- Tủ cơm	TS0004.03		2017	01/01/2017	27.500	27.500				X				
41- Bục sân khấu 1.4 x 7.6 x 0.4m bằng gỗ	TS0005		2017	01/01/2017	48.000	48.000		19.200		X				
42- Máy chiếu	TS0006.01		2017	01/01/2017	25.000	25.000				X				
43- Máy chiếu	TS0006.02		2017	01/01/2017	25.000	25.000				X				

TÀI SẢN	KÝ HIỆU	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN (Nghìn đồng)				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG					
					Nguyên giá			Giá trị còn lại	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác
					Tổng cộng	Trong đó				Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	
						Nguồn NS	Nguồn khác							
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
44- Hệ thống âm thanh hội trường	TS0007		2017	01/01/2017	55.000	55.000				X				
45- Tivi LCD Màn hình LCD 42"	TS0008.01		2017	01/01/2017	13.500	13.500				X				
46- Tivi LCD Màn hình LCD 42"	TS0008.02		2017	01/01/2017	13.500	13.500				X				
47- Tivi LCD Màn hình LCD 42"	TS0008.03		2017	01/01/2017	13.500	13.500				X				
48- Tivi LCD Màn hình LCD 42"	TS0008.04		2017	01/01/2017	13.500	13.500				X				
49- Tivi LCD Màn hình LCD 42"	TS0008.05		2017	01/01/2017	13.500	13.500				X				
50- Tivi LCD Màn hình LCD 42"	TS0008.06		2017	01/01/2017	13.500	13.500				X				
51- Tivi LCD Màn hình LCD 42"	TS0008.07		2017	01/01/2017	13.500	13.500				X				
52- Tivi LCD Màn hình LCD 42"	TS0008.08		2017	01/01/2017	13.500	13.500				X				
53- Tivi LCD Màn hình LCD 42"	TS0008.09		2017	01/01/2017	13.500	13.500				X				
54- Tivi LCD Màn hình LCD 42"	TS0008.10		2017	01/01/2017	13.500	13.500				X				
55- Tivi LCD Màn hình LCD 42"	TS0008.11		2017	01/01/2017	13.500	13.500				X				
56- Tivi LCD Màn hình LCD 42"	TS0008.12		2017	01/01/2017	13.500	13.500				X				
57- Tivi LCD Màn hình LCD 42"	TS0008.13		2017	01/01/2017	13.500	13.500				X				
58- Tivi LCD Màn hình LCD 42"	TS0008.14		2017	01/01/2017	13.500	13.500				X				
59- Tivi LCD Màn hình LCD 42"	TS0008.15		2017	01/01/2017	13.500	13.500				X				
60- Tivi LCD Màn hình LCD 42"	TS0008.16		2017	01/01/2017	13.500	13.500				X				
61- Tivi LCD Màn hình LCD 42"	TS0008.17		2017	01/01/2017	13.500	13.500				X				
62- Tivi LCD Màn hình LCD 42"	TS0008.18		2017	01/01/2017	13.500	13.500				X				
63- Tivi LCD Màn hình LCD 42"	TS0008.19		2017	01/01/2017	13.500	13.500				X				
64- Tivi LCD Màn hình LCD 42"	TS0008.20		2017	01/01/2017	13.500	13.500				X				
65- Tivi LCD Màn hình LCD 42"	TS0008.21		2017	01/01/2017	13.500	13.500				X				
66- Tivi LCD Màn hình LCD 42"	TS0008.22		2017	01/01/2017	13.500	13.500				X				
67- Tivi LCD Màn hình LCD 42"	TS0008.23		2017	01/01/2017	13.500	13.500				X				
68- Tivi LCD Màn hình LCD 42"	TS0008.24		2017	01/01/2017	13.500	13.500				X				

TÀI SẢN	KÝ HIỆU	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN (Nghìn đồng)				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG					
					Nguyên giá			Giá trị còn lại	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác
					Tổng cộng	Trong đó				Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	
						Nguồn NS	Nguồn khác							
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
69- Tivi LCD Màn hình LCD 42"	TS0008.25		2017	01/01/2017	13.500	13.500				X				
70- Tivi LCD Màn hình LCD 42"	TS0008.26		2017	01/01/2017	13.500	13.500				X				
71- Tivi LCD Màn hình LCD 42"	TS0008.27		2017	01/01/2017	13.500	13.500				X				
72- Tivi LCD Màn hình LCD 42"	TS0008.28		2017	01/01/2017	13.500	13.500				X				
73- Tivi LCD Màn hình LCD 42"	TS0008.29		2017	01/01/2017	13.500	13.500				X				
74- Tivi LCD Màn hình LCD 42"	TS0008.30		2017	01/01/2017	13.500	13.500				X				
75- Tivi LCD Màn hình LCD 42"	TS0008.31		2017	01/01/2017	13.500	13.500				X				
76- Tivi LCD Màn hình LCD 42"	TS0008.32		2017	01/01/2017	13.500	13.500				X				
77- Tivi LCD Màn hình LCD 42"	TS0008.33		2017	01/01/2017	13.500	13.500				X				
78- Tivi LCD Màn hình LCD 42"	TS0008.34		2017	01/01/2017	13.500	13.500				X				
79- Tivi LCD Màn hình LCD 42"	TS0008.35		2017	01/01/2017	13.500	13.500				X				
80- Tivi LCD Màn hình LCD 42"	TS0008.36		2017	01/01/2017	13.500	13.500				X				
81- Tivi LCD Màn hình LCD 42"	TS0008.37		2017	01/01/2017	13.500	13.500				X				
82- Tivi LCD Màn hình LCD 42"	TS0008.38		2017	01/01/2017	13.500	13.500				X				
83- Thảm cầu lông	TS0009.01		2017	01/01/2017	62.000	62.000		24.800		X				
84- Thảm cầu lông	TS0009.02		2017	01/01/2017	62.000	62.000		24.800		X				
85- Thảm cầu lông	TS0009.03		2017	01/01/2017	62.000	62.000		24.800		X				
86- Thảm cầu lông	TS0009.04		2017	01/01/2017	62.000	62.000		24.800		X				
87- Thảm cầu lông	TS0009.05		2017	01/01/2017	62.000	62.000		24.800		X				
88- Bảng điện tử kích thước 2mx3m, đèn Led ánh áng trắng	TS0010.01		2017	01/01/2017	30.000	30.000		6.000		X				
89- Bảng điện tử kích thước 2mx3m, đèn Led ánh áng trắng	TS0010.02		2017	01/01/2017	30.000	30.000		6.000		X				
90- Nệm nhảy xa, nhảy cao (30x180x200) cm	TS0011.01		2017	01/01/2017	12.100	12.100		2.420		X				
91- Nệm nhảy xa, nhảy cao (30x180x200) cm	TS0011.02		2017	01/01/2017	12.100	12.100		2.420		X				
92- Nệm nhảy xa, nhảy cao (30x180x200) cm	TS0011.03		2017	01/01/2017	12.100	12.100		2.420		X				

TÀI SẢN	KÝ HIỆU	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN (Nghìn đồng)				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG					
					Nguyên giá			Giá trị còn lại	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác
					Tổng cộng	Trong đó				Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	
						Nguồn NS	Nguồn khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
93- Nệm nhảy xa, nhảy cao (30x180x200) cm	TS0011.04		2017	01/01/2017	12.100	12.100		2.420		X				
94- Nệm nhảy xa, nhảy cao (30x180x200) cm	TS0011.05		2017	01/01/2017	12.100	12.100		2.420		X				
95- Nệm nhảy xa, nhảy cao (30x180x200) cm	TS0011.06		2017	01/01/2017	12.100	12.100		2.420		X				
96- Bóng rổ di động	TS0012.01		2017	01/01/2017	14.850	14.850		2.970		X				
97- Bóng rổ di động	TS0012.02		2017	01/01/2017	14.850	14.850		2.970		X				
98- Nệm nhảy cao	TS0013.01		2017	01/01/2017	12.100	12.100		2.420		X				
99- Nệm nhảy cao	TS0013.02		2017	01/01/2017	12.100	12.100		2.420		X				
100- Nệm nhảy cao	TS0013.03		2017	01/01/2017	12.100	12.100		2.420		X				
101- Nệm nhảy cao	TS0013.04		2017	01/01/2017	12.100	12.100		2.420		X				
102- Bộ Bóng bàn	TS0014.01		2017	01/01/2017	12.000	12.000		2.400		X				
103- Bộ Bóng bàn	TS0014.02		2017	01/01/2017	12.000	12.000		2.400		X				
104- Bộ Bóng bàn	TS0014.03		2017	01/01/2017	12.000	12.000		2.400		X				
105- Bộ Bóng bàn	TS0014.04		2017	01/01/2017	12.000	12.000		2.400		X				
106- Bộ Bóng bàn	TS0014.05		2017	01/01/2017	12.000	12.000		2.400		X				
107- Bộ Bóng bàn	TS0014.06		2017	01/01/2017	12.000	12.000		2.400		X				
108- Máy hấp tiệt trùng	TS0015		2017	01/01/2017	13.200	13.200				X				
109- Tủ lạnh Toshiba 186 lít	TS0016		2017	01/01/2017	11.500	11.500				X				
110- Máy hấp khăn	TS0017		2017	01/01/2017	30.800	30.800		3.080		X				
111- Đầu ghi hình, Camera, nguồn	TS0018		2017	01/01/2017	38.450	38.450		3.845		X				
112- Máy vi tính	TS0019		2017	01/01/2017	12.650	12.650				X				
113- Máy vi tính	TS0020		2017	01/01/2017	12.650	12.650				X				
114- Máy vi tính	TS0022		2017	01/01/2017	12.650	12.650				X				
115- Tivi LCD	TS0023		2017	01/01/2017	13.500	13.500				X				
116- Hệ thống âm thanh sân trường	TS0024		2017	01/01/2017	33.000	33.000				X				

TÀI SẢN	KÝ HIỆU	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN (Nghìn đồng)				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG					
					Nguyên giá			Giá trị còn lại	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác
					Tổng cộng	Trong đó				Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	
						Nguồn NS	Nguồn khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
117- Hệ thống âm thanh ngoài sân trường + nhà thi đấu	TS0025		2017	01/01/2017	340.000	340.000				X				
118- Máy tính	TS0027.01		2017	01/01/2017	16.800	16.800				X				
119- Máy tính	TS0027.02		2017	01/01/2017	16.800	16.800				X				
120- Máy laptop HP	TS0028		2017	01/01/2017	17.900	17.900				X				
121- Máy in phun màu epson L805	TS0029		2017	01/01/2017	12.500	12.500				X				
122- Máy in màu EpsonA3	TS0030		2017	01/01/2017	16.480	16.480				X				
123- Máy photo Ricoh 2501L	TS0032		2017	01/01/2017	85.000	85.000		8.500		X				
124- Máy lạnh Toshiba	TS0033		2017	01/01/2017	18.700	18.700				X				
125- Tổng đài nội bộ	TS0034		2017	01/01/2017	33.000	33.000				X				
126- Tổng đài điện thoại	TS0035		2017	01/01/2017	33.000	33.000				X				
127- Máy xén giấy H868TĐ	TS0036		2017	01/01/2017	19.980	19.980		1.998		X				
128- Máy vi tính	TS0037		2017	01/01/2017	12.650	12.650				X				
129- Máy tính	TS0038		2017	01/01/2017	16.800	16.800				X				
130- Máy laptop HP	TS0039		2017	01/01/2017	17.900	17.900				X				
131- Máy lạnh Toshiba	TS0041		2017	01/01/2017	18.700	18.700				X				
132- Tủ lạnh Toshiba 186 lít	TS0042		2017	01/01/2017	11.500	11.500				X				
133- Máy ổn áp 30 KVA	TS0043		2017	01/01/2017	15.800	15.800		1.580		X				
134- Bàn họp Oval 50 chỗ	TS0044		2017	01/01/2017	53.000	53.000		13.250		X				
135- Tivi LCD'	TS0045		2017	01/01/2017	13.500	13.500				X				
136- Máy vi tính	TS0046		2017	01/01/2017	12.650	12.650				X				
137- Máy lạnh Nagakawa 1.5hp, 2 cụm	TS0048		2017	01/01/2017	12.500	12.500				X				
138- Máy chụp hình Nikon D7200	TS0049		2017	01/01/2017	31.500	31.500				X				
139- Tủ lạnh Toshiba 186 lít	TS0050		2017	01/01/2017	11.500	11.500				X				
140- Máy ổn áp 30 KVA	TS0051		2017	01/01/2017	15.800	15.800		1.580		X				
141- Máy tính	TS0052.01		2017	01/01/2017	16.800	16.800				X				

TÀI SẢN	KÝ HIỆU	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN (Nghìn đồng)				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG					
					Nguyên giá			Giá trị còn lại	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác
					Tổng cộng	Trong đó				Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	
						Nguồn NS	Nguồn khác							
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
142- Máy tính	TS0052.02		2017	01/01/2017	16.800	16.800				X				
143- Máy laptop HP	TS0053		2017	01/01/2017	17.900	17.900				X				
144- Máy in kim Epson LQ 2180	TS0054		2017	01/01/2017	19.800	19.800				X				
145- Máy photocopy siêu tốc Ricoh DD5450	TS0055		2017	01/01/2017	180.000	180.000		18.000		X				
146- Tủ lạnh Toshiba 186 lít	TS0056		2017	01/01/2017	11.500	11.500								X
147- Két KS160HD1	TS0057		2017	01/01/2017	12.500	12.500		3.125						X
148- Phần mềm QL tài sản DT soft	TS0058		2017	01/01/2017	11.000	11.000		1.760		X				
149- Bảng tương tác PK Pro 87C	TS0059		2017	01/01/2017	169.000	169.000				X				
150- Máy chiếu	TS0060.01		2017	01/01/2017	25.000	25.000				X				
151- Máy chiếu	TS0060.02		2017	01/01/2017	25.000	25.000				X				
152- Kính hiển vi XSP 15B dùng cho giáo viên	TS0061		2017	01/01/2017	15.000	15.000		3.000		X				
153- Máy vi tính	TS0062.01		2017	01/01/2017	12.650	12.650				X				
154- Máy vi tính	TS0062.02		2017	01/01/2017	12.650	12.650				X				
155- Máy vi tính	TS0062.03		2017	01/01/2017	12.650	12.650				X				
156- Máy vi tính	TS0062.04		2017	01/01/2017	12.650	12.650				X				
157- Máy vi tính	TS0062.05		2017	01/01/2017	12.650	12.650				X				
158- Máy lạnh Toshiba	TS0063		2017	01/01/2017	18.700	18.700				X				
159- Máy lạnh Toshiba	TS0064		2017	01/01/2017	18.700	18.700				X				
160- Máy chủ Server	TS0065		2017	01/01/2017	16.500	16.500				X				
161- Máy chủ Server	TS0066		2017	01/01/2017	16.500	16.500				X				
162- Máy vi tính	TS0067.01		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
163- Máy vi tính	TS0067.02		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
164- Máy vi tính	TS0067.03		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
165- Máy vi tính	TS0067.04		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
166- Máy vi tính	TS0067.05		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				

TÀI SẢN	KÝ HIỆU	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN (Nghìn đồng)				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG					
					Nguyên giá			Giá trị còn lại	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác
					Tổng cộng	Trong đó				Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	
						Nguồn NS	Nguồn khác							
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
167- Máy vi tính	TS0067.06		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
168- Máy vi tính	TS0067.07		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
169- Máy vi tính	TS0067.08		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
170- Máy vi tính	TS0067.09		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
171- Máy vi tính	TS0067.10		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
172- Máy vi tính	TS0067.11		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
173- Máy vi tính	TS0067.12		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
174- Máy vi tính	TS0067.13		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
175- Máy vi tính	TS0067.14		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
176- Máy vi tính	TS0067.15		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
177- Máy vi tính	TS0067.16		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
178- Máy vi tính	TS0067.17		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
179- Máy vi tính	TS0067.18		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
180- Máy vi tính	TS0067.19		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
181- Máy vi tính	TS0067.20		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
182- Máy vi tính	TS0067.21		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
183- Máy vi tính	TS0067.22		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
184- Máy vi tính	TS0067.23		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
185- Máy vi tính	TS0067.24		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
186- Máy vi tính	TS0067.25		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
187- Máy vi tính	TS0067.26		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
188- Máy vi tính	TS0067.27		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
189- Máy vi tính	TS0067.28		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
190- Máy vi tính	TS0067.29		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
191- Máy vi tính	TS0067.30		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				

TÀI SẢN	KÝ HIỆU	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN (Nghìn đồng)				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG					
					Nguyên giá			Giá trị còn lại	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác
					Tổng cộng	Trong đó				Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	
						Nguồn NS	Nguồn khác							
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
192- Máy vi tính	TS0067.31		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
193- Máy vi tính	TS0067.32		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
194- Máy vi tính	TS0067.33		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
195- Máy vi tính	TS0067.34		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
196- Máy vi tính	TS0067.35		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
197- Máy vi tính	TS0067.36		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
198- Máy vi tính	TS0067.37		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
199- Máy vi tính	TS0067.38		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
200- Máy vi tính	TS0067.39		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
201- Máy vi tính	TS0067.40		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
202- Máy vi tính	TS0068.01		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
203- Máy vi tính	TS0068.02		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
204- Máy vi tính	TS0068.03		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
205- Máy vi tính	TS0068.04		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
206- Máy vi tính	TS0068.05		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
207- Máy vi tính	TS0068.06		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
208- Máy vi tính	TS0068.07		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
209- Máy vi tính	TS0068.08		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
210- Máy vi tính	TS0068.09		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
211- Máy vi tính	TS0068.10		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
212- Máy vi tính	TS0068.11		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
213- Máy vi tính	TS0068.12		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
214- Máy vi tính	TS0068.13		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
215- Máy vi tính	TS0068.14		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
216- Máy vi tính	TS0068.15		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				

TÀI SẢN	KÝ HIỆU	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN (Nghìn đồng)				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG					
					Nguyên giá			Giá trị còn lại	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác
					Tổng cộng	Trong đó				Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	
						Nguồn NS	Nguồn khác							
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
217- Máy vi tính	TS0068.16		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
218- Máy vi tính	TS0068.17		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
219- Máy vi tính	TS0068.18		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
220- Máy vi tính	TS0068.19		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
221- Máy vi tính	TS0068.20		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
222- Máy vi tính	TS0068.21		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
223- Máy vi tính	TS0068.22		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
224- Máy vi tính	TS0068.23		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
225- Máy vi tính	TS0068.24		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
226- Máy vi tính	TS0068.25		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
227- Máy vi tính	TS0068.26		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
228- Máy vi tính	TS0068.27		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
229- Máy vi tính	TS0068.28		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
230- Máy vi tính	TS0068.29		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
231- Máy vi tính	TS0068.30		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
232- Máy vi tính	TS0068.31		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
233- Máy vi tính	TS0068.32		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
234- Máy vi tính	TS0068.33		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
235- Máy vi tính	TS0068.34		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
236- Máy vi tính	TS0068.35		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
237- Máy vi tính	TS0068.36		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
238- Máy vi tính	TS0068.37		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
239- Máy vi tính	TS0068.38		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
240- Máy vi tính	TS0068.39		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				
241- Máy vi tính	TS0068.40		2017	01/01/2017	10.450	10.450				X				

TÀI SẢN	KÝ HIỆU	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN (Nghìn đồng)				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG					
					Nguyên giá			Giá trị còn lại	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác
					Tổng cộng	Trong đó				Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	
						Nguồn NS	Nguồn khác							
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
242- Máy vi tính	TS0069		2017	01/01/2017	12.650	12.650				X				
243- Bồn rửa 3 ngăn	TS0070.01		2017	01/01/2017	12.100	12.100				X				
244- Bồn rửa 3 ngăn	TS0070.02		2017	01/01/2017	12.100	12.100				X				
245- Bồn rửa 3 ngăn	TS0070.03		2017	01/01/2017	12.100	12.100				X				
246- Máy vi tính	TS0071.01		2017	01/01/2017	12.650	12.650				X				
247- Máy vi tính	TS0071.02		2017	01/01/2017	12.650	12.650				X				
248- Máy vi tính	TS0071.03		2017	01/01/2017	12.650	12.650				X				
249- Máy vi tính	TS0071.04		2017	01/01/2017	12.650	12.650				X				
250- Máy vi tính	TS0071.05		2017	01/01/2017	12.650	12.650				X				
251- Máy vi tính	TS0071.06		2017	01/01/2017	12.650	12.650				X				
252- Máy vi tính	TS0071.07		2017	01/01/2017	12.650	12.650				X				
253- Máy vi tính	TS0071.08		2017	01/01/2017	12.650	12.650				X				
254- Máy vi tính	TS0071.09		2017	01/01/2017	12.650	12.650				X				
255- Máy vi tính	TS0071.10		2017	01/01/2017	12.650	12.650				X				
256- Máy vi tính	TS0071.11		2017	01/01/2017	12.650	12.650				X				
257- Máy vi tính	TS0071.12		2017	01/01/2017	12.650	12.650				X				
258- Máy vi tính	TS0071.13		2017	01/01/2017	12.650	12.650				X				
259- Tivi LCD	TS0072.01		2017	01/01/2017	13.500	13.500				X				
260- Tivi LCD	TS0072.02		2017	01/01/2017	13.500	13.500				X				
261- Tivi LCD	TS0072.03		2017	01/01/2017	13.500	13.500				X				
262- Tivi LCD	TS0072.04		2017	01/01/2017	13.500	13.500				X				
263- Tivi LCD	TS0072.05		2017	01/01/2017	13.500	13.500				X				
264- Tivi LCD	TS0072.06		2017	01/01/2017	13.500	13.500				X				
265- Máy quay Sony cảm biến hình ảnh 13.5M Exmor R™ CMOS 1/2.3 (7.76mm)	TS0073.01		2017	01/01/2017	11.000	11.000				X				

TÀI SẢN	KÝ HIỆU	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN (Nghìn đồng)				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG					
					Nguyên giá			Giá trị còn lại	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác
					Tổng cộng	Trong đó				Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	
						Nguồn NS	Nguồn khác							
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
266- Máy quay Sony cảm biến hình ảnh 13.5M Exmor R™ CMOS 1/2.3 (7.76mm)	TS0073.02		2017	01/01/2017	11.000	11.000				X				
267- Máy chụp hình Nikon D7200	TS0074		2017	01/01/2017	31.500	31.500				X				
268- Đàn điện tử+ Đàn guitar thùng cho giáo viên	TS0075.01		2017	01/01/2017	11.000	11.000				X				
269- Đàn điện tử+ Đàn guitar thùng cho giáo viên	TS0075.02		2017	01/01/2017	11.000	11.000				X				
Tổng cộng:					**4.780.390**	**4.400.390**	**380.000**	**483.408**						

....., ngày ... tháng ... năm .....

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN (nếu có)

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Tp HCM, *ngày* 31 *tháng* 12 *năm* 2024

Hiệu trưởng

(Ký, họ tên và đóng dấu)

TRƯỜNG PHỔ THÔNG NĂNG KHIẾU THỂ DỤC, THỂ THAO BÌNH CHÁNH

Dương Hoài Bão

- Báo cáo kê khai lần đầu: ☐
- Báo cáo kê khai bổ sung: ☒